

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 12 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1968, tại tỉnh B

Nơi cư trú: số nhà M, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long; nghề nghiệp: thợ làm móng; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu A (chết) và bà Võ Thị Kim C (chết); anh chị em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1965, nhỏ nhất sinh năm 1979; bị cáo có chồng tên Nguyễn Phước N, sinh năm 1965; hai con tên Nguyễn Trường G, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Văn T (tên gọi khác: K), sinh năm 1985, tại tỉnh V

Nơi cư trú: số nhà B, ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vinh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn V, sinh năm 1930 và bà Võ Thị B, sinh năm 1943; anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất là bị cáo; bị cáo có vợ tên Trần Thị N, sinh năm 1984 và 01 con tên Lê Huỳnh N, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, đường A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Thị Kiều O thực hiện hành vi bán số đề tại quán cà phê H, đường P, phường M, thành phố V thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Vĩnh Long kết hợp Công an Phường 1, thành phố Vĩnh Long kiểm tra, bắt quả tang khi chưa có kết quả xổ số kiến thiết ngày 06/9/2018. Cơ quan Công an đã tạm giữ của bị cáo O một điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen, có sim số 01222.975.559 và 01687.942.369; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, màu hồng, có sim số 0936.161.057; tiền Việt Nam đang lưu hành 10.800.000đ. Cơ quan Công an đã tạm giữ của bị cáo Lê Văn T một điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, sim số 0984.147.778.

Kết quả điều tra xác định, ngày 06/9/2018, bị cáo O dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của các Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận bán số đề cho Nguyễn Hữu T, Lê Văn T, T (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau khi bán số đề cho người mua, O giữ lại một phần, một phần giao lại con rỗi tên Nguyễn Hoàng K qua số điện thoại 01699.069.411. Toàn bộ số đề bị cáo O đã bán cho Nguyễn Hữu T, Lê Văn T, T còn lưu giữ lại trong Hộp thư đi của điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen, có sim số 01222.975.559, 01687.942.369 và điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, màu hồng, có sim số 0936.161.057.

Kết quả kiểm tra, đối chiếu nội dung tin nhắn trong Hộp thư đi của hai điện thoại di động nêu trên xác định:

- Tổng cộng có 34 con số đề, với tổng số tiền đánh bạc 11.456.000đ, gồm: con số 47 bao lô 200.000đ đài An Giang; con số 47 bao lô 100.000đ đài Bình Thuận, Tây Ninh; con số 10, 29 đầu 10.000đ, đuôi 10.000đ đài An Giang; con số 59 đầu 30.000đ, đuôi 30.000đ đài An Giang; con số 52 bao lô 3.000đ đài An Giang, con số 28 đầu 25.000đ, đuôi 25.000đ của các đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 19 bao lô 3.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 73 bao lô 3.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 28 bao lô 2.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 39, 93, 49, 94,

59, 95, 69, 96, 79, 97 bao lô 4.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 39, 93, 49, 94, 59, 95, 69, 96, 79, 97 đầu 5.000đ, đuôi 5.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 79 đầu 200.000đ, đuôi 50.000đ đài An Giang; con số 79 bao lô 20.000đ đài An Giang; con số 97 bao lô 5.000đ đài An Giang; con số 43 bao lô 20.000đ đài An Giang.

- Trong các số đề này, bị cáo O giao lại K 24 con số đề, với tổng cộng số tiền 3.520.000đ, gồm: các con số 39, 93, 49, 94, 59, 95, 69, 96, 79, 97 bao lô 4.000đ của các đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; các số 39, 93, 49, 94, 59, 95, 69, 96, 79, 97 đầu 5.000đ, đuôi 5.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 79 đầu 200.000đ, đuôi 50.000đ đài An Giang; con số 79 bao lô 20.000đ đài An Giang; con số 97 bao lô 5.000đ đài An Giang; con số 43 bao lô 20.000đ đài An Giang.

Cụ thể các người mua số đề như sau:

- Nguyễn Hữu T mua của bị cáo O các con số 10, 29 đầu 10.000đ, đuôi 10.000đ đài An Giang; con số 59 đầu 30.000đ, đuôi 30.000đ đài An Giang; con số 52 bao lô 3.000đ đài An Giang, con số 28 đầu 25.000đ, đuôi 25.000đ đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 19 bao lô 3.000đ đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 73 bao lô 3.000đ đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 28 bao lô 2.000đ đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh, tổng số tiền 736.000đ.

- Lê Văn T mua của bị cáo O con số đề 47 bao lô 200.000đ đài An Giang; con số đề 47 bao lô 100.000đ đài Bình Thuận, Tây Ninh, tổng số tiền mua 7.200.000đ.

- T (không rõ họ tên, địa chỉ) mua của O các con số đề gồm: các số 39, 93, 49, 94, 59, 95, 69, 96, 79, 97 bao lô 4.000đ của các đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 39, 93, 49, 94, 59, 95, 69, 96, 79, 97 đầu 5.000đ, đuôi 5.000đ của đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh; con số 79 đầu 200.000đ, đuôi 50.000đ đài An Giang; con số 79 bao lô 20.000đ đài An Giang; con số 97 bao lô 5.000đ đài An Giang; con số 43 bao lô 20.000đ đài An Giang, tổng số tiền mua đề 3.520.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo O dùng đánh bạc với Nguyễn Hữu T, Lê Văn T, T là 11.456.000đ; O giao lại K là 3.520.000đ.

Phương thức mua bán số đề như sau: Nguyễn Hữu T, Lê Văn T, T nhắn tin vào các sim điện thoại di động số 01222.975.559, 01687.942.369, 0936.161.057 của bị cáo O để mua số đề. Nhằm khuyến khích người mua, bị cáo O khấu trừ tiền “hoa hồng”, nên O nhận của Lê Văn T số tiền 5.100.000đ, chưa nhận tiền thanh toán từ Nguyễn Hữu T, T. Bị cáo O giữ lại một phần trực tiếp thắng thua với Nguyễn Hữu T, Lê Văn T, còn phần của T thì O dùng điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen có sim số 01222.975.559, 01687.942.369 nhắn tin giao phối đề lại K.

Kết quả điều tra xác định Nguyễn Hoàng K nhận phôi đề của bị cáo O qua số điện thoại 01699.069.411 với 24 con số đề, tổng số tiền K đánh bạc là 3.520.000đ; Nguyễn Hữu T mua 08 con số đề với tổng số tiền đánh bạc 736.000đ. Số tiền mà K, T dùng đánh bạc chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bản thân của K, T chưa tiền án, tiền sự. Công an thành phố Vĩnh Long không khởi tố hình sự và quyết định xử phạt vi phạm hành chính K, T, cụ thể như sau:

- Quyết định xử phạt hành chính số 5030/QĐ-XPVPHC, ngày 10/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phạt Nguyễn Hoàng K số tiền 15.000.000đ quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với hành vi “Làm chủ lô, đề”; tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 600.000đ.

- Quyết định xử phạt hành chính số 0019154, ngày 60/12/2018 của Trưởng Công an thành phố V phạt Nguyễn Hữu T số tiền 350.000đ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với hành vi “Mua số đề”, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 736.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar có sim số 0931.863.452.

Đối với T do không xác định được họ tên, địa chỉ, chưa làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra, điều tra, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSND.TPVL ngày 27/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Hai bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà các bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Lê Văn T.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T phạm “Tội đánh bạc”. Đề nghị phạt bị cáo O từ 06 tháng - 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm - 01 năm 06 tháng; phạt

bị cáo O hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000đ - 12.000.000đ. Đề nghị phạt bị cáo Lê Văn T số tiền từ 20.000.000đ - 25.000.000đ.

Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo O nộp số tiền đánh bạc 3.520.000đ và số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội 750.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo T nộp số tiền 2.100.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước, khấu trừ số tiền 2.100.000đ theo Biên lai thu tiền số No 003632 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/02/2019 giữa Công an thành phố Vĩnh Long và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen, số seri 1: 354122052967381, số seri 2: 3541225052967399, có sim số 01222.975.559 và 01687.942.369; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 SM-A720F/DS, màu hồng, Imei 1: 355758084207954, Imei 2: 355759084207952 có sim số 0936.161.057; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, imei 1: 355828091346358, imei 2: 355828099346350, sim số 0984.147.778. Đối với số tiền Việt Nam đang lưu hành 10.800.000đ theo biên lai thu tiền số No 003630 ngày 01/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.100.000đ; hoàn trả bị cáo O số tiền 5.700.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc hai bị cáo O, T mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời trình bày của người làm chứng và phù hợp với các tài

liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T phạm “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội phức tạp, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, hoạt động bình thường của xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức mua, bán số đề, vi động cơ vụ lợi để có thu nhập bất chính. Số tiền đánh bạc mà các bị cáo thắng thua lẫn nhau khi bị bắt quả tang đối với Nguyễn Thị Kiều O là 11.456.000đ, Lê Văn T là 7.200.000đ. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi vi phạm pháp luật của mình.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo T có cha ruột tham gia cách mạng, có công với Nhà nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng các bị cáo O, T được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo O, T là không có.

[5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo O, T phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi vi phạm pháp luật của mình, cần thiết phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, đảm bảo được sự răn đe, giúp các bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo O có nhân thân tốt; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung đối với bị cáo O mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo T cần thiết áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là đảm bảo sự nghiêm khắc của pháp luật, đảm bảo được sự răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phạm tội với số tiền đánh bạc 11.456.000đ, trong đó Nguyễn Hữu T đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính, đã buộc T nộp số tiền đánh bạc 736.000đ. Buộc bị cáo O nộp số tiền bán số đề cho T là 3.520.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo O

khai trong thời gian bán số đề đã thu lợi số tiền 750.000đ, nên buộc bị cáo O nộp số tiền 750.000đ để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Lê Văn T phạm tội với số tiền đánh bạc 7.200.000đ. Buộc bị cáo T nộp số tiền đánh bạc 7.200.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ bị cáo O số tiền 10.800.000đ, trong đó có số tiền 5.100.000đ mà bị cáo T thanh toán bị cáo O khi mua số đề. Vì vậy, buộc bị cáo T nộp thêm số tiền 2.100.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Ngày 22/01/2019, bị cáo T nộp số tiền 2.100.000đ theo Biên lai thu tiền số No 003632 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên khấu trừ, bị cáo T không phải nộp thêm.

[7] Xử lý vật chứng:

- Một điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen, có sim số 01222.975.559 và 01687.942.369; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, màu hồng, có sim số 0936.161.057; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, sim số 0984.147.778 là công cụ phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Tiền Việt Nam đang lưu hành 10.800.000đ tạm giữ của bị cáo O, qua điều tra xác định 5.100.000đ là tiền bị cáo O nhận từ bán số đề cho T nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước; còn lại 5.700.000đ là tiền bị cáo O vay sử dụng nên trả lại bị cáo O số tiền 5.700.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Án phí: Buộc hai bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 mục I Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và

khoản 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Lê Văn T.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T phạm “Tội đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo Nguyễn Thị Kiều O được tính từ ngày tuyên án 12/3/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều O cho Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Kiều O thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

2. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều O nộp số tiền đánh bạc 3.520.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) và số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước, khấu trừ số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số No 003632 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bị cáo Lê Văn T không phải nộp thêm.

3. Xử lý vật chứng: *Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/02/2019 giữa Công an thành phố Vĩnh Long và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:*

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen, số seri 1: 354122052967381, số seri 2: 3541225052967399, có sim số 01222.975.559 và 01687.942.369.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 SM-A720F/DS, màu hồng, Imei 1: 355758084207954, Imei 2: 355759084207952, có sim số 0936.161.057.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, imei 1: 355828091346358, imei 2: 355828099346350, sim số 0984.147.778.

Số tiền Việt Nam đang lưu hành 10.800.000đ (mười triệu tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số No 003630 ngày 01/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả bị cáo Nguyễn Thị Kiều O số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Buộc hai bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, hai bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Lê Văn T có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Công an: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- Bị cáo: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân